

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-5-2018

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Xuân**.

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà: **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 4 ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Bà *Nguyễn Thị H* có mặt; ông *Hồ Văn L* vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** trình bày: vào năm 1990, bà và ông **Hồ Văn L** tự nguyện chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn chung quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Do vợ chồng sống không hạnh phúc nên không còn chung sống với nhau từ năm 2000. Nay vì cuộc sống riêng của cả hai nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Hồ Văn L**.

Về con chung: bà và ông Hồ Văn L có 3 người con chung là Hồ Đức T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1992, Hồ Thị Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1995 và Hồ Quốc H, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2000. Anh Hồ Đức T và chị Hồ Thị Thanh T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Hồ Quốc H chưa đủ tuổi trưởng thành nên khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi anh Hồ Quốc H đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu ông Hồ Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại bản tự khai bị đơn ông Hồ Văn L trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về điều kiện chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống của ông bà không hạnh phúc nên đã không còn chung sống với nhau từ năm 2000 cho đến nay vì vậy ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Khi ly hôn, về con chung ông đồng ý giao anh Hồ Quốc H cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn Hồ Văn L hiện đang cư trú tại ấp V, xã X, huyện X và yêu cầu nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hồ Văn L nên bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn, ông Hồ Văn L là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Hồ Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông Hồ Văn L tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L không hạnh phúc, bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L đều có nguyện vọng được ly hôn. Do bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L chung sống với nhau sau ngày 03 tháng 01 năm 1987 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã S đã có văn bản xác nhận bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L không có đăng ký kết hôn nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L là vợ chồng là phù hợp.

[5] Về con chung: Anh Hồ Đức T và chị Hồ Thị Thanh T đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Anh Hồ Quốc H chưa đủ tuổi trưởng thành, khi ly hôn bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L thỏa thuận giao anh Hồ Quốc H cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy

sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L phù hợp với nguyện vọng của anh Hồ Quốc H nên ghi nhận.

Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Hồ Văn L cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho ông Hồ Văn L.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc không thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L là vợ chồng.

- Về con chung: giao anh Hồ Quốc H, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2000 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho ông Hồ Văn L.

Ông Hồ Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn L được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 008304 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Ông Hồ Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trần Trường Phát